

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-10-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Tú

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3757/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 4022/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn A, sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT: Số 28 (cũ là Số 12 gác 2) B, phường C, phường D, thành phố Hải Phòng; hiện đang học tập, lao động, rèn luyện theo diện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2; địa chỉ: Xã E, huyện G, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn I, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Vương Quốc Anh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 07-8-2019 và các văn bản khác, nguyên đơn là anh Vũ Văn A trình bày: Anh A và chị Nguyễn Thị Phương H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, phường D, thành phố Hải Phòng ngày 01-10-1996. Sau khi kết hôn, anh A và chị H chung sống tại Số 28 (cũ là Số 12 gác 2) B, phường C, phường D, thành phố Hải Phòng. Quá trình

chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 01 năm 2002 thì chị H đã bỏ đi nước ngoài làm ăn, sinh sống mà không thông báo, bàn bạc gì với anh A. Qua tìm hiểu, anh A được biết chị H hiện đang cư trú bất hợp pháp tại Vương Quốc Anh. Từ khi đi đến nay, chị H chưa quay lại Việt Nam lần nào và anh A cũng không biết đến bao giờ chị H mới về Việt Nam. Nay nhận thấy vợ chồng sống xa cách nhiều năm nay nên tình cảm đối với chị H không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh A và chị H có một con chung là Vũ Thị Hồng M, sinh ngày 18-6-1997. Con chung M hiện nay đã trưởng thành nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh A trình bày quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa anh A và chị H đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh A; về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung, anh A không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh A hiện đang học tập, lao động, rèn luyện theo diện bắt buộc tại Cơ sở Cải thiện ma túy số 2 trong thời gian 24 tháng kể từ ngày 10/7/2018 đến ngày

10/7/2020, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh A.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho chị H; đồng thời tổng đạt các văn bản nêu trên cho gia đình chị H, gia đình chị H cam kết sẽ thông báo lại nội dung văn bản cho chị H. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; việc vắng mặt của chị H thuộc trường hợp bị đơn cố ý giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, phường D, thành phố Hải Phòng ngày 01-10-1996 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh A và chị H chung sống tại Số 28 (cũ là Số 12 gác 2) B, phường C, phường D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn, vợ chồng làm ăn thua lỗ. Mặt khác, anh A mắc nghiện ma túy nên thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Đến khoảng đầu năm 2002, chị H sang Vương Quốc Anh làm ăn, sinh sống mà không thông báo, bàn bạc gì với anh A. Kể từ đó cho đến nay, chị H chưa quay trở về Việt Nam và cũng không liên lạc gì với anh A. Người thân của chị H trình bày, hiện chị H đang sinh sống tại Vương Quốc Anh và thường xuyên liên lạc với họ, nhưng do của chị H thuộc diện cư trú bất hợp pháp nên họ không biết địa chỉ cụ thể của chị H tại Vương Quốc Anh và cũng không xác định được khi nào chị H về nước. Kể từ khi chị H sang Vương Quốc Anh cho đến nay, anh A và chị H không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh A có yêu cầu ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của anh A phù hợp với thực trạng gia đình, mối quan hệ và tình cảm giữa anh A, chị H, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống anh A, chị H có một con chung là Vũ Thị Hồng M, sinh ngày 18-6-1997, đã thành niên, anh A không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh A trình bày quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

[7] Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Anh Vũ Văn A và chị Nguyễn Thị Phương H có một con chung là Vũ Thị Hồng M, sinh ngày 18-6-1997 đã thành niên, anh A không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Vũ Văn A xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Văn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001975 ngày 14-8-2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Vũ Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị Phương H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, phường D, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương